

XEM XÉT CẤU TRÚC THÔNG TIN CỦA MỘT ĐOẠN VĂN VÀ ỨNG DỤNG CỦA NÓ

TRẦN HỮU MẠNH
(PGS, TS ĐHNN, ĐHQG HN)

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đều biết rằng từ câu đến văn bản, dù là loại văn bản nào (trần thuật, miêu tả, bình luận, báo cáo), trong mọi ngôn ngữ đều có đơn vị trung gian: đó là ĐOẠN VĂN (paragraph). Từ trước đến nay, các sách ngữ pháp thường gặp như Quirk et al 1972 -1985, Chomsky 1965-1986, Halliday 1985-2004, Greenbaum 1996, Borsley 1999, Taylor 2002 thường dùng lại ở việc mô tả cấu trúc câu (thông qua cấu trúc từ, cụm từ, kể cả cú). Theo quan điểm của những nhà ngôn ngữ học kể trên (kể cả của nhiều nhà Việt ngữ học) đơn vị lớn nhất của cú pháp học (phần trung tâm của ngôn ngữ nói chung) là CÂU.

Việc mô tả cấu trúc của đoạn văn - hay nói rộng ra, cấu trúc của văn bản thường gặp ở các sách ngôn ngữ học vượt qua khái niệm cú pháp; ở đây, nhiều nhà ngôn ngữ học đã sử dụng thuật ngữ 'story grammar' (tạm dịch là "ngữ pháp cốt truyện") khi đi vào mô tả cấu trúc ngữ nghĩa, cấu trúc thông tin của đoạn văn.

2. Cấu trúc đoạn văn: quan niệm trước nay

2.1. Thử tìm hiểu về cấu trúc thông tin một đoạn văn

Brown & Yule 1983 đã đi sâu phân tích về cấu trúc của một đoạn văn rất ngắn, có thể coi là điển hình của cấu trúc một đoạn văn miêu tả của tiếng Anh sau đây:

[1] A great black and yellow V-2 rocket 46-feet long stood in a New Mexico desert. Empty, it weighed five tons. For fuel it carried eight tons of alcohol and liquid oxygen.

Đoạn văn rất ngắn này, điển hình của một đoạn miêu tả một vật thể (tên lửa V-2) của quân đội, trước đó đã được de Beaugrande & Dressler 1981 nêu lên trong khi đi tìm mô hình cấu trúc của mạng lưới thông tin (information network). Brown & Yule sử dụng lại sơ đồ cấu trúc mạng lưới đó. Nguyễn Hoà 2003 cũng nhắc lại khái niệm cấu trúc đó (xem Brown & Yule sdd, tr 123, Nguyễn Hoà 2000, sdd tr 92).

Sơ đồ mạng lưới thông tin - cấu trúc khái niệm của văn bản (hay còn gọi là mạng lưới quá độ - 'Transition network') của [1] có thể dịch như sau:

[1b] Một tên lửa V-2 lớn đen và vàng dài 46 feet (V) đứng (nằm) ở sa mạc Niu Mê xi cô. Khi trống rỗng nó nặng chỉ có 5 tấn thôi. Khi nạp đủ nhiên liệu nó đem theo 8 tấn cồn và ôxi lỏng.

Lư = lượng (qu)	chđ = chứa đựng (co) đđ
	= địa điểm (lo)
mđ= mục đích	thth = thực thể (e) cht
(pu)	=chi tiết (sp)
tth= thuộc tố	btđ = bị tác động (a) a-
(attribute)	e 'affected entity)
vc = vật chất (su)	trth = trạng thái (st)

Rõ ràng, ta có thể thấy đây là một đoạn văn ngắn, được cấu kết (gắn kết) rất điển hình: có quan hệ hồi chiếu giữa từ "tên lửa" với "nó" (= it) và "nó" không được biểu diễn trên sơ đồ số 1. Tuy nhiên, trên thực tế, với các đoạn viết trong đời thường kiểu kết cấu tiêu biểu này ít được thể hiện rõ ràng. Do vậy chúng ta cần đi tìm một cách biểu diễn theo sơ đồ dễ áp dụng hơn.

2.2. Những gợi ý về sơ đồ cấu trúc khái niệm

2.2.1. Hiểu sâu hơn về nguyên tắc cấu tạo sơ đồ này

Trong tiếng Anh (và tiếng Việt tương đương) có thể thấy sơ đồ được cấu tạo theo hai mảng.

(1) Mảng 1 - Bên tay trái là danh ngữ (DN) với đầu tổ danh từ (noun head) là từ “tên lửa” (rocket) và năm (5) thuộc tổ miêu tả tính chất của danh từ đó.

(2) Mảng 2 - Bên tay phải là các cú (clauses) hay đúng hơn là cấu tạo của các cú với các vị từ và các thành tố đi kèm với vị từ đó:

- + Các vị từ bao gồm: - stand - đứng/ nằm (V)
- empty - trống rỗng (adj)
- weigh - nặng (cân nặng) (V)
- carry - đem theo (V)

+ Các thành tố đi kèm vị từ là:

- Trạng ngữ (=A): in...desert = ở sa mạc....
- Bổ ngữ (=C): (five) tons = năm tấn
- Tân ngữ (=O): eight tons oxygen = tám tấn cồng và ôxy lỏng.

Như vậy có thể hiểu mảng 2 mới là bảng chính của văn bản này. Nó bao gồm các cú, hay nói đầy đủ hơn, bao quát hơn là các câu cấu tạo nên đoạn văn đó. Trong thực tế khi xem xét về cấu tạo của đoạn văn từ đơn vị nhỏ hơn là câu thì có thể thấy: đoạn văn này chỉ có 3 câu, trong đó câu đầu (số 1) chính là (câu chủ đề gồm rocket...stand (SVA); câu hai gồm 2 cú với hai vị từ (1) empty (trống rỗng) là đầu tổ của cú tính ngữ (adjectival clause) và (2) weigh (= (cân) nặng) - động từ đi với bổ ngữ; và 3 câu có 1 cú với vị trí 'carry' (= đem theo) - động từ đi với tân ngữ. Đây chính là chi tiết hoá của sơ đồ cấu trúc khái niệm đã nói ở trên.

2.2.2. Thử tiếp cận một kiểu cấu trúc đoạn văn

Theo ý kiến chúng tôi, để có được cấu trúc cơ bản để áp dụng vào việc mô tả cấu trúc của bất kì đoạn văn nào cần nắm được các nguyên tắc chính sau đây:

(i) Đoạn văn đó có tất cả bao nhiêu câu. Câu chủ đề nằm ở đâu: đầu, giữa, hay cuối đoạn văn đó;

(ii) Các câu được cấu tạo như thế nào? Chỉ có một cú (nếu là câu đơn) hay nhiều cú kết hợp đẳng lập (câu phức liên hợp) hay nhiều cú kết hợp chính phụ (câu phức chính phụ). Nói khác đi là các phép xạ ảnh (phóng chiếu) được áp dụng như thế nào;

(iii) Để mô tả cấu trúc đoạn văn đó nên kết hợp kiểu sơ đồ chức năng (functional diagramming) đã được áp dụng trong ngữ pháp nhà trường (school grammar) ở Hoa Kỳ. Cách mô tả này có thể cho ta hiểu tường tận cấu trúc của các thành tố chính của cú và câu cũng như các thuộc tố của nó. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ đi sâu gợi ý về cách nghiên cứu một số đoạn văn tiêu biểu cho các thể loại văn bản thường dùng trong tiếng Anh và tiếng Việt.

2.3. Cấu trúc thông tin của một đoạn văn thông dụng

2.3.1. Đoạn văn tiếng Anh thông dụng

2.3.1.1. Đoạn trích từ một đoạn văn bản kể chuyện (narrative style) (trích dẫn từ một thể hồi ức văn chương - fictional memoir)

As a child, one of my sisters was endlessly troubled by bad dreams and she could never bereaved that they meant nothing (1). Boy like, of course, I was very scornful of this (2). On one occasion her screams awoke the whole house and so far as I can remember none of us had any more that night (3). She sobbed; she was inconsolable; she could not be induced even to tell us what she had been dreaming (4). It had obviously been a nightmare (5). And a much worse one than the poor child usually suffered (6). By breakfast time, she seemed so ill that my parents decided she should stay home (7). Yet this upset her still more (8). It was then that she was coaxed into telling us what had frightened her (9).

• Nhận xét

+ Đoạn văn có tất cả 9 câu: câu 1 gồm có 3 cú = câu chủ đề; câu 2: 1 cú; câu 3: 3 cú; câu 4: 5 cú (3 cú chính độc lập + 2 cú phụ; câu 5: 1 cú; câu 6: 2 cú (1 cú phụ); câu 7: 3 cú (1 cú chính + 2 cú phụ); câu 8: 1 cú và câu 9: 4 cú

+ Các vị trí nằm trong khuôn [SEEMED], [WAS TROUBLED] là đầu tổ của các cú (dù là cú chính hay cú phụ).

+ Các thuộc tố (attribute) hay điều biến tố (modifier) là các yếu tố thêm nghĩa nên không cần phải đề tâm nhiều.

• Luận giải

Đây là đoạn văn thuộc loại văn phong kể chuyện: các tình tiết được nối với nhau khá linh

hoạt và theo trật tự logic của câu chuyện. Các động từ thường được dùng làm vị từ ở đây được sử dụng ở thì quá khứ đơn. Có một số lượng không lớn lắm các cú không biến vị (to V hay V-ing). Các từ liên kết logic và ngữ pháp giữa các câu cũng khá nhiều - câu 2 có yếu tố so sánh 'boylike' - tính từ ghép; câu 6 có liên từ 'and' chỉ sự nối tiếp (addition); câu 3 có giới ngữ 'On one occasion' chỉ liên kết thời gian (time relator); câu 8 có trạng từ 'Yet'; câu 9 có trạng từ 'then' và cả câu 7 với 'By breakfast time' - một giới ngữ - cũng đều mang ý nghĩa liên kết thời gian. Việc sử dụng các từ liên kết này làm thay đổi cấu trúc đề ngữ (thematic structure) của các câu này nhưng lại làm tăng sự mạch lạc của đoạn văn.

2.3.1.2. Đoạn văn bình luận

Đoạn văn sau đây trích từ một văn bản súc tích Time 100! Đây chính là thể loại “sự kiện và bình luận” tập trung bình phẩm về 100 người nổi tiếng trong năm 2005. Đặc biệt đoạn này trích ở bài viết rất cô đọng của TS Henry Kissinger về Condoleezza Rice Ngoại trưởng Mỹ - Đoạn thứ hai của văn bản.

As U.S National Security Adviser during President Bush's first term, Rice managed the crises of the aftermath of 9/11 with skill and determination. As Secretary of State, she has to switch gears. Her ultimate challenge now is to distill a new, peaceful international order out of several disparate forces: the collapse of the European system of world order, the technological revolution, worldwide ideological ferment, the global quest for popular participation in government. She has already assembled an outstanding staff and, in her whirlwind trips to Europe and Asia, is establishing a global leadership role by putting forward Bush's emphases on democratic reform.

Nhận xét

• Với đoạn văn có 4 câu này, có thể nói có đến ba câu đơn (câu 1, 2 và 3), nhưng câu đơn 3 rất dài vì có nhiều ngữ đồng vị (appositions) với danh từ 'forces'. Ở đây, điều đặc biệt cần nói là mối quan hệ về thời gian thể hiện qua trình tự các thì được sử dụng.

+ Câu 1: managed - quá khứ đơn

+ Câu 2: has to switch - hiện tại đơn (với động từ tình thái)

+ Câu 3: is to distill - hiện tại đơn (của động từ quan hệ)

+ Câu 4: gồm hai động từ ở hai thì khác nhau
 { has assembled: hiện tại hoàn thành (hành động đã thực hiện)
 is establishing: hiện tại tiếp diễn (hành động đang thực hiện)

Và ý nghĩa thời gian theo trình tự này là: quá khứ (1) + hành động đặc trưng của hiện tại (2 & 3) + hiện tại đã xảy ra (4a) và đang xảy ra (4b)

• Ở câu 1 và 2 có hai giới ngữ: As... Adviser (1) và As Secretary of State. (2) là hai giới ngữ mô tả vai trò của Rice nhưng hàm ẩn ý so sánh.

• Bốn câu này nói về bốn thành tựu nổi bật của C. Rice trong hoạt động thường xuyên của bà cho nên có thể nói không có câu chủ đề (đoạn 2 của bài viết).

2.3.1.3. Đoạn văn thuộc văn phong khoa học

Đoạn văn nhỏ dưới đây được trích từ một tác phẩm ngôn ngữ học nổi tiếng của M. A. K Halliday 2004: "An Introduction to Functional Grammar", 3rd ed. Hodder Arnold (p64).

We may assume that in all languages the clause has the character of a message: it has some form of organization whereby it fits in with, and contributes to, the flow of discourse. But there are different ways in which this may be achieved. In English, as in many other languages, the clause is organized as a message by having a distinct status assigned to one part of it. One part of the clause is enunciated as the theme; this then combines with the remainder so that the two parts together constitute a message.

• Nhận xét

+ Đoạn văn cũng có bốn câu, mỗi câu có độ phức tạp riêng về mặt thông tin được thể hiện qua cấu trúc cú pháp - khái niệm:

- Câu 1 ngoài cú chính “assume”, hai cú phụ, trong đó cú phụ 2 lại có một kết hợp hai cú phụ con “fits” & “contributes” có chung chủ ngữ “it” và tân ngữ “flow”. Câu này có thể coi là câu chủ đề (trọng tâm là “clause”)

- Câu 2 có đặc thù của loại câu tồn tại trong đó chủ ngữ thực “ways” có cấu trúc phức tạp của nó.

- Câu 3 và câu 4 cũng có cấu trúc rất phức tạp, mỗi câu đều có cú chính và nhiều cú phụ (biến vị và không) để hoàn chỉnh ý của cả câu.

+ Cả 4 câu đều sử dụng động từ ở thì hiện tại đơn, loại thì vốn dĩ được sử dụng để chỉ thực tại/hành động (và trạng thái) đặc trưng cho sự vật (bởi lẽ đây là một đoạn trích từ văn phong khoa học).

+ Đoạn văn có tính mạch lạc cao, thể hiện ở cách sử dụng dấu chấm câu nhờ hai chấm (:), chấm phẩy, phẩy và các phương tiện liên kết ngữ pháp như liên từ "But" (tương phản), "as in" - (so sánh) với việc sử dụng đề ngữ khá linh hoạt (We, But there, In English) đồng thời về mặt từ vựng có các sự liên kết như: điệp từ (clause, message), quy chiếu (hồi chiếu - anaphora), cũng như sự tương thích của các câu với câu chủ đề.

Ba đoạn văn trên là ba đoạn tương đối đơn giản tiêu biểu cho ba thể loại văn bản thường gặp trong tiếng Anh. Nhưng rõ ràng, cấu trúc thông tin của nó không hề đơn giản (như đã phân tích trên đây). Tiếp theo, chúng tôi chỉ xin (do khuôn khổ của bài viết) đi vào phân tích một đoạn của một bài viết nghị luận của một học giả nổi tiếng: GS Trần Thanh Đạm (đăng trên Báo Văn nghệ 12/7/08) dưới nhan đề "Đức dục và lễ giáo". Chúng ta sẽ xem xét đoạn mở đầu của bài viết (xem sơ đồ 3).

2.3.2. Đoạn văn nghị luận tiếng Việt

Đoạn đầu của bài viết của GS Trần Thanh Đạm (Báo Văn nghệ số 12/7/2008. tr2).

Không chỉ hiện nay mà cả ngày xưa, không chỉ nước ta mà ở nước ngoài, giáo dục đạo đức vẫn là vấn đề khó nhất trong lĩnh vực giáo dục. So với trí dục, nó *khó hơn*, bởi vì trí dục còn tương đối cụ thể (giáo dục bằng chuyển giao tri thức) còn đức dục là trừu tượng, là sự chuyển giao các phẩm chất, các giá trị nhân văn, đó là những điều rất khó xác định một cách cụ thể. Tôi *nghe thấy* trong việc này, kinh nghiệm và truyền thống giáo dục đạo đức của nước ta và nói chung của Phương Đông là rất quý báu, *cần chú trọng tiếp thu* và *vận dụng* sáng tạo. Tôi muốn *trở lại* với khẩu hiệu truyền thống: *Tiên học lễ, hậu học văn*. Khẩu hiệu này là của nho giáo, nhưng hình như đó là nho giáo Việt Nam.

Không *nghe nói* ở Trung Quốc xưa nay có *lưu hành* cái khẩu hiệu ấy.

Đoạn văn này được luận giải như sau:

(1) Trong đoạn văn này có 6 câu:

• *Câu 1* là một câu đơn nhưng nó lại phức tạp ở phần đề ngữ = trạng ngữ. Trạng ngữ ở đây là hai vế có hai cụm từ đẳng lập tương liên: "Không chỉ... mà (cả)"... nối các danh ngữ "hiện nay" và "ngày xưa"; "nước ta" và "nước ngoài". Đây chính là câu chủ đề trong cả đoạn viết này. Từ giáo dục đạo đức được nhắc lại (câu 1 và câu 3) và được thay bằng từ "nó" (hồi chiếu).

• *Câu 2* rõ ràng là câu phức có 5 cú: cú 1 có tính từ "khó" là vị trí; cú 2 có động từ CÒN vị từ đi với bổ ngữ "cụ thể" (= tính từ); cú 3 nối với cú 2 bằng liên từ "còn" và vị từ LÀ đi với bổ ngữ "trừu tượng" (= tính từ), sau đó là hai cú có vị từ LÀ (cú 4 & 5) với bổ ngữ là các danh ngữ. Câu này cũng mở đầu bằng đề ngữ - trạng ngữ "so với trí dục" (một liên kết logic so sánh).

• *Câu 3* có ba vị từ đi với ba cú: NGHIỆM là vị từ chính và các vị từ của hai cú phụ trợ (là cú đồng vị) có vị từ LÀ và CHÚ TRỌNG với các động từ được danh từ hoá là "tiếp thu" và "vận dụng". Ở đây xuất hiện chủ ngữ - đề ngữ "Tôi" (= người nói) và đặc biệt có danh ngữ ghép đẳng lập "kinh nghiệm và truyền thống giáo dục đạo đức".

• Ở *câu 4*, điều phức tạp là ở cụm từ định ngữ (chỉ thuộc tính) cho danh từ "khẩu hiệu: Tiên học lễ hậu học văn, trong đó "Học" là vị từ và chủ ngữ ẩn, "tiên" và "hậu" là trạng ngữ. Còn cấu trúc của cú chính là Tôi = chủ ngữ + muốn trở lại = vị ngữ; (với khẩu hiệu = giới ngữ làm trạng ngữ)...

• *Câu 5* có thể coi là câu phức đẳng lập với hai cú độc lập (được nối với nhau bởi liên từ đẳng lập "nhưng") đều có vị từ "LÀ" và bổ ngữ của "Nho giáo" (giới ngữ). Từ "hình như" có thể coi là một trạng ngữ. Danh ngữ "khẩu hiệu này" và đại từ "đó" là các đề ngữ của hai cú đẳng lập.

• Với *câu 6*, có thể thấy hai cú: cú chính với vị từ "nghe nói" và cú phụ có vị từ "lưu hành" có cùng chung chủ ngữ ẩn "chúng ta". Điều này cũng cho phép coi động ngữ "không nghe nói" là đề ngữ của cả câu.

(2) Như vậy, trong đoạn văn này có các đề ngữ phức và đơn:

Câu 1: “Không chỉ... mà cả” (2 lần) (= trạng ngữ tương liên + thời gian + địa điểm)

Câu 2: “So với trí dục” (= giới ngữ - trạng ngữ so sánh), liên ngữ logic so sánh.

Câu 3: “Tôi” = chủ ngữ cũng là đề ngữ của câu 4 (tác giả bài viết)

Câu 5: “Khẩu hiệu này” = chủ ngữ vốn là danh ngữ (đề ngữ cú 1) và “đó” (đề ngữ cú 2).

Câu 6: Đề ngữ - “không nghe nói” (cú chính) và “ở Trung Quốc” là đề ngữ cú phụ.

(3) Về mặt kết cấu văn bản, có thể thấy đoạn văn (và cả bài văn) bắt đầu bằng các liên từ tương liên “(không chỉ... mà)” chỉ thời gian và địa điểm. Sau đó có sự liên kết logic so sánh (“so với”...), rồi mới đến ý kiến chủ quan của tác giả (đại từ chỉ ngôi – “tôi”, và từ chỉ định “này” (hai lần), và “ấy”). Có thể thấy tác giả của đoạn viết đã sử dụng rất linh hoạt các phép liên kết câu đã nêu.

3. Kết luận về ứng dụng của sơ đồ

3.1. Việc sơ đồ hoá cấu trúc thông tin của một đoạn văn không hề là vấn đề đơn giản. Cấu trúc thông tin được đưa vào mạng lưới sơ đồ hoá mà các nhà ngôn ngữ học Brown & Yule, Crystal nêu lên mang tính chất điển hình cao độ, nhưng lại khó áp dụng với các đoạn văn thông thường và đặc biệt các đoạn văn có nhiều câu (từ 5 câu trở lên) hợp lại.

3.2 Cần lưu ý ba bước nêu trong phần 2.2.2 của bài viết này khi xem xét một đoạn văn.

3.3. Chúng tôi xin nêu lên sơ đồ cấu trúc theo mạng lưới dựa vào cấu trúc câu theo sơ đồ của Reed & Kellogg (phân tích câu theo ngữ pháp nhà trường ở Mỹ), tôn trọng kết cấu chủ vị của các cú chính trong câu và nhấn mạnh các mấu chốt liên kết của đoạn văn (các từ và cụm từ có cùng một quy chiếu - thường là vấn đề hồi chiếu và cả khứ chiếu).

3.4. Trong các phép liên kết về từ vựng logic, ngữ pháp, sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt thường được thể hiện ở phép liên kết cú pháp: tiếng Anh sử dụng phép hợp thì (sequence of tenses) để thể hiện liên kết thời gian (trong mối liên hệ với trạng ngữ), còn tiếng Việt thì chỉ có liên kết thời gian qua các dấu hiệu thời gian

(đã, đang, sẽ) và trạng ngữ thời gian tương đương.

3.5. Câu chủ đề trong tiếng Anh được thể hiện rõ ràng hơn. Đồng thời có thể thấy trong tiếng Việt phép liên kết qua các từ chỉ định (này, ấy, đó...) được thể hiện rõ nét bên cạnh các phép liên kết khác.

3.6. Việc dạy viết cho sinh viên khoa Anh từ năm thứ ba cần lưu ý các bước sau:

a. Giới thiệu sơ đồ cấu trúc của đoạn văn thuộc các loại văn phong: + kể chuyện, + miêu tả, + nghị luận, + trình bày vấn đề khoa học.

b. Lưu ý sinh viên về quan hệ từ câu đến đoạn văn (cú – câu – câu topic và các câu khác).

c. Sinh viên tự cấu trúc đoạn văn của mình theo các yêu cầu / hướng dẫn của giáo viên về đoạn văn cần viết.

d. Sắp xếp các đoạn văn thành bài viết hoàn chỉnh.

Tài liệu tham khảo

1. Quirk R et all (1985), *A comprehensive grammar of the English language* – Longman.
2. Chomsky N (1986), *Knowledge of language* – London – NewYork.
3. Halliday, M.A.K. & Matthiessen C. (2004), *An introduction to function grammar*. Arnold.
4. Nguyễn Hòa (2000), *Introduction to discourse analysis*. NXB ĐHQG HN.
5. Brown & Yule (1983), *Discourse analysis*. CUP.
6. Crystal D (1992), *The cambridge encyclopaedia of language*. CUP.
7. Trần Hữu Mạnh (2007), *Ngôn ngữ học đối chiếu: cú pháp tiếng Anh - tiếng Việt*. Vietnam National University Publisher (NXB ĐHQG HN).
8. Trần Hữu Mạnh (2007), *Bàn về cấu trúc ngữ nghĩa trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Tạp chí KHXH & NV – ĐHQG HN.
9. Trần Hữu Mạnh & Trần Thị Thanh Vân (2008), *Động từ và động ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống.
10. Trần Hữu Mạnh (2008), *Từ câu đến văn bản: xem xét trên các bình diện ngữ nghĩa, phân tích diễn ngôn và dụng học*. Research Project at VNU, Hanoi (Đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 09-05-2010)